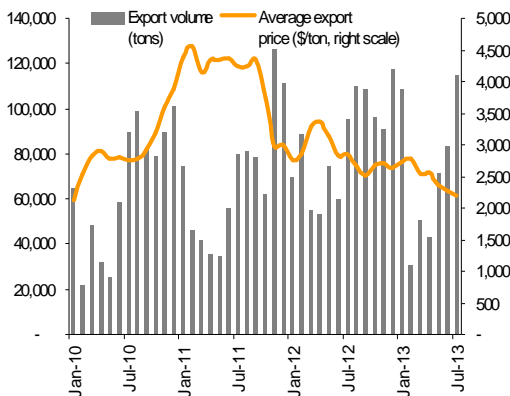


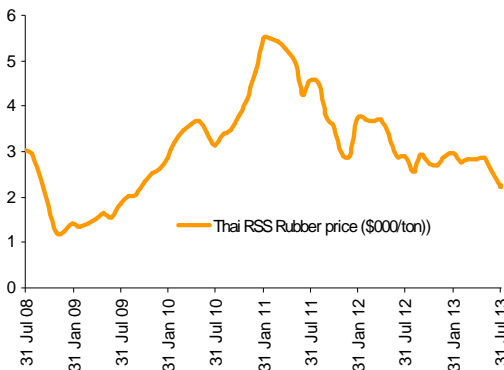
Giảm tỷ trọng

Nguyễn Trung Hòa
 hoa.nguyen@maybank-kimeng.com.vn
 (84) 8 44 555 888 (ext 8088)

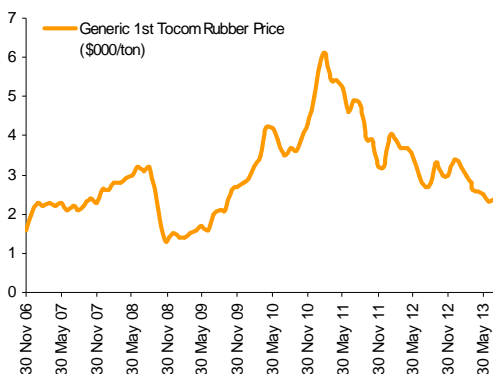
SL và giá cao su tự nhiên XK của Việt Nam



Giá cao su RSS3 tại Thái Lan



Giá cao su Tocom tại Nhật Bản



Ngành Cao Su Tự Nhiên Lượng Tăng, Giá Giảm

Theo Tổng cục Thống kê, sản lượng cao su tự nhiên xuất khẩu trong 7T13 của Việt Nam tăng nhẹ 0,4% n/n đạt khoảng 500.000 tấn. Tuy nhiên, giá trị xuất khẩu của ngành cao su tự nhiên lại giảm 17,4% n/n còn 1,2 tỷ đô-la trong 7T13 do giá xuất khẩu cao su bình quân giảm mạnh 17,8% n/n còn 2.448 đô-la/tấn. Điều này là do giá cao su thế giới giảm mạnh trong năm qua. Cụ thể giá cao su RSS3 tại thị trường Thái Lan trong 7T13 giảm 20% n/n còn 2.700 đô-la/tấn và giá cao su Tocom (1st Generic) tại thị trường Nhật cũng giảm 22,8% n/n còn 2.700 đô-la/tấn.

Chúng tôi cho rằng giá cao su tự nhiên thế giới giảm mạnh đến từ ba nguyên nhân sau. Nguồn cung cao su tự nhiên thế giới được dự báo vẫn tiếp tục thặng dư trong năm 2013 và 2014. Nhóm Nghiên cứu cao su quốc tế (International Rubber Study Group) dự báo nguồn cung cao su có thể tăng 4% trong năm nay và nhu cầu cao su có thể tăng từ 2-5%. Do đó, thặng dư cao su thế giới năm nay có thể dao động trong khoảng 92.000-284.000 tấn. Tương tự, Ngân hàng Commerzbank cũng dự báo thặng dư cao su trong năm 2013 khoảng 179.000 tấn và trong năm 2014 khoảng 153.000 tấn.

Sự sụt giảm nhu cầu cao su tự nhiên của thị trường Trung Quốc do tăng trưởng kinh tế sụt giảm. Trung Quốc là nước tiêu thụ cao su tự nhiên lớn nhất chiếm 1/3 sản lượng cao su thế giới. Chỉ số quản trị nhà mua hàng (PMI) của Trung Quốc trong tháng 7 vừa qua chạm mốc thấp nhất trong 11 tháng qua ở mức 47,7 điểm (dưới 50 báo hiệu sự suy giảm).

Ba nước xuất khẩu cao su tự nhiên lớn nhất thế giới là Thái Lan, Indonesia và Malaysia đã quyết định ngừng các biện pháp hỗ trợ giá cao su thế giới. Trước đó ba quốc gia này đã cắt giảm 300.000 tấn sản lượng cao su xuất khẩu trong khoảng tháng 10/2012 đến tháng 3/2013 để hỗ trợ giá cao su thế giới. Tuy nhiên biện pháp này không phát huy hiệu quả như kế hoạch. Vì vậy, chúng tôi không kỳ vọng giá cao su thế giới có thể hồi phục mạnh trong thời gian còn lại của năm 2013 cũng như nửa đầu năm 2014.

Do sự ảnh hưởng của xu hướng đi xuống của giá cao su thế giới, kết quả hoạt động trong 6T13 của các trong ty trong ngành cao su tự nhiên Việt Nam bị ảnh hưởng và giảm mạnh so với cùng kỳ. Cụ thể trong 6T13, LNTT của công ty Cao su Phước Hòa (PHR) giảm 50% n/n còn 170 tỷ đồng (xem chi tiết tại trang 3); LNTT của công ty Cao su Đồng Phú (DPR) giảm 15% n/n còn 178 tỷ đồng; LNTT của công ty Cao su Tây Ninh (TRC) giảm 19,7% n/n còn 99,5 tỷ; LNTT của công ty Cao su Hòa Bình giảm 60% n/n còn 31,7 tỷ đồng.

Trong cả năm 2013, chúng tôi dự báo LNTT của các doanh nghiệp trong ngành cao su tự nhiên giảm từ 10-43% n/n. Vì vậy, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư nên xem xét giảm tỷ trọng cổ phiếu ngành cao su tự nhiên trong danh mục đầu tư để chuyển sang các ngành khác có tỷ suất sinh lợi cao hơn. Tuy nhiên, đối với nhóm nhà đầu tư dài hạn và ưa thích lợi tức cổ tức cao có thể xem xét duy trì tỷ trọng đối với cổ

phiếu PHR. Lợi tức cổ tức hàng năm của PHR được dự báo ở mức 10,5%, cao so với mặt bằng lãi suất hiện nay.

| | Vốn hóa (\$m) | Diện tích cao su (ha) | ROE (%) | Nợ/VCSH (lần) | FY13 Lợi tức cổ tức (%) | PE Kỳ vọng (lần) | Khuyến nghị |
|------------|---------------|-----------------------|-------------|---------------|-------------------------|------------------|-------------|
| PHR | 107 | 15.145 | 16,2 | -12,0 | 10,5 | 6,0 | MUA |
| DPR | 82 | 9.725 | 15,8 | -29,1 | 10,0 | 4,7 | Giữ |
| TRC | 53 | 6.827 | 18,9 | -34,3 | 7,5 | 3,8 | Bán |
| HRC | 39 | 5.101 | 15,8 | 15,8 | 6,3 | 9,9 | Bán |

Nguồn: Maybank Kim Eng

MUA (không đổi)

Giá hiện tại VND28.900
 Giá mục tiêu: VND34.200

Nguyễn Trung Hòa
 hoa.nguyen@maybank-kimeng.com.vn
 (84) 8 44 555 888 (ext. 8088)

Thông tin cổ phiếu

Mô tả: Công ty cao su tự nhiên niêm yết lớn nhất Việt Nam.

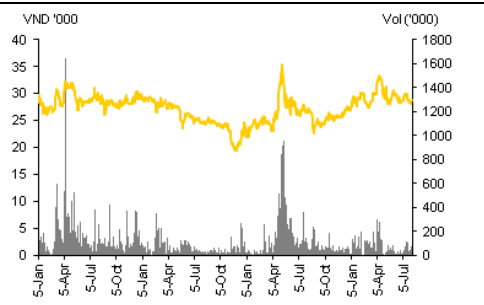
| | |
|------------------------------|--------|
| Mã cổ phiếu: | PHR VN |
| Số lượng cổ phiếu (triệu): | 78,49 |
| Vốn hóa thị trường (tỷ đồng) | 107 |
| GTGD bình quân (tỷ đồng) | 0,91 |
| VN Index: | 493,6 |
| Tỷ lệ giao dịch tự do (%): | 26,15 |

Cổ đông chính (%)

| | |
|----------------------|------|
| VIETNAM RUBBER GROUP | 69,0 |
| ASIA VALUE INVEST LT | 6,2 |
| PHUOC HOA RUBBER JSC | 3,6 |

Các chỉ số cơ bản

| | |
|---------------------------------|-------|
| ROE (%) | 16 |
| Tiền mặt ròng (tỷ VND): | 374 |
| Tài sản cố định/cổ phiếu (VND): | 7.646 |
| Khả năng trả lãi vay (x): | 19 |

Biểu đồ giá

% thay đổi giá

Cao/thấp nhất 52 tuần VND34.700/VND25.000

| | | | | | |
|--------------|----------|----------|----------|--------|-------|
| | 1- tháng | 3- tháng | 6- tháng | 1- năm | YTD |
| Giá CP | -2,0 | -7,1 | -5,9 | -2,4 | 2,1 |
| So với Index | -3,6 | -10,6 | -9,0 | -17,3 | -14,4 |

Cao Su Phước Hòa

Lợi Tức Cổ Tức Vẫn Cao

Cao su Phước Hòa (PHR) công bố kết quả ước tính 6T13 với sản lượng tiêu thụ đạt 10.511 tấn (-9,3% n/n) và giá bán bình quân đạt 60,5 triệu đồng/tấn (-17,5% n/n). Vì vậy, doanh thu của công ty trong 6T13 giảm 25,2% n/n còn 636 tỷ đồng. Hơn nữa, việc giá bán giảm mạnh so với cùng kỳ cũng sẽ làm cho lợi nhuận biên của công ty thu hẹp mạnh. Doanh thu từ hoạt động thanh lý vườn cây cao su (đã quá tuổi khai thác) cũng giảm 12,5% n/n còn 91 tỷ đồng. Vì vậy LNTT của PHR trong 6T13 giảm mạnh gần 50% so với cùng kỳ đạt khoảng 170 tỷ đồng. Kết quả này khá gần với dự báo doanh thu khoảng 662 tỷ đồng và LNTT khoảng 172 tỷ đồng mà chúng tôi đưa ra trong báo cáo cập nhật PHR vào ngày 25/6/2013 vừa qua.

Trong cả năm 2013 chúng tôi dự báo PHR có thể đạt sản lượng tiêu thụ khoảng 26.000 tấn (-15,4% n/n) với giá bình quân đạt khoảng 57-58 triệu đồng/tấn (-11% n/n). Điều này cũng đồng nghĩa với việc chúng tôi dự báo giá cao su có thể sẽ tiếp tục giảm so với 6 tháng đầu năm. Do đó doanh thu và LNST 2013 dự báo của PHR lần lượt đạt 1.658 tỷ đồng (-25% n/n) và 343 tỷ đồng (-43% n/n), tương ứng với mức EPS 2013 khoảng 4.789 đồng/cp và PE kỳ vọng khoảng 6 lần. Mức giá mục tiêu điều chỉnh 34.200 đồng/cp của chúng tôi cũng cao hơn 19% so với mức giá PHR đang được giao dịch trên thị trường.

Ngoài ra, PHR cũng cho biết mức cổ tức bằng tiền hàng năm dự kiến ở mức 3.000 đồng/cp (chi phí khoảng 210 tỷ đồng/năm), tương ứng với lợi tức cổ tức hấp dẫn khoảng 10,1%. Chúng tôi ước tính với dòng tiền từ hoạt động kinh doanh ròng sau khi trừ chi phí đầu tư tài sản cố định hàng năm khoảng 200 tỷ đồng và khoản tiền mặt của PHR khoảng 500 tỷ đồng thì công ty hoàn toàn có thể thực hiện việc duy trì sự bền vững của mức cổ tức này trong vài năm tới.

Triển vọng tăng trưởng của PHR cũng được đảm bảo bằng việc công ty sẽ việc tăng diện tích cao su thêm 52% lên 22.000ha vào cuối năm nay khi dự án Cao su Phước Hòa – Kampong Thom hoàn thành và mở rộng thêm 35% lên 30.000ha vào năm 2017 khi dự án Cao su Phước Hòa – Đắk Lắk hoàn thành. Tuy nhiên, do thị trường cao su trong thời điểm hiện nay không thuận lợi nên chúng tôi chỉ khuyến nghị xem xét đầu tư PHR với những nhà đầu tư dài hạn và quan tâm đến lợi tức cổ tức cao.

PHR – Bảng tóm tắt KQKD

| Năm tài khóa 31/12 (tỷ đồng) | 2009 | 2010 | 2011 | 2012 | 2013F |
|------------------------------|-------|-------|--------|-------|-------|
| Doanh thu | 1.068 | 2.030 | 2.583 | 2.214 | 1.658 |
| EBITDA | na | 663 | 1.009 | 732 | 510 |
| Lợi nhuận ròng | 267 | 502 | 823 | 602 | 343 |
| EPS | 3.455 | 6.607 | 11.319 | 8.449 | 4.789 |
| Tăng trưởng EPS (%) | na | 91 | 71 | -25 | -43 |
| Cổ tức/cổ phiếu | 1.539 | 3.663 | 4.552 | 2.179 | 3.000 |
| PER | 8,4 | 4,4 | 2,6 | 3,4 | 6,0 |
| EV/EBITDA (x) | na | 2,3 | 1,5 | 2,1 | 3,0 |
| Lợi tức (%) | 5,3 | 12,7 | 15,8 | 7,5 | 10,4 |
| P/BV(x) | 2,3 | 2,0 | 1,6 | 1,2 | 1,0 |
| Nợ ròng/VCSH (%) | -14,9 | -19,3 | -20,5 | -10,0 | -12,0 |
| ROE (%) | 23,1 | 39,1 | 46,7 | 29,7 | 16,2 |
| ROA (%) | 14,3 | 21,8 | 26,6 | 19,4 | 11,1 |

Nguồn: Công ty, Maybank KE ước tính

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ đ)

| Năm tài khóa 31/12 | 2009 | 2010 | 2011 | 2012 | 2013F |
|--|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| Doanh thu | 1.068 | 2.030 | 2.583 | 2.214 | 1.658 |
| Giá vốn hàng bán | -785 | -1.321 | -1.561 | -1.560 | -1.225 |
| Lợi nhuận gộp | 283 | 709 | 1.022 | 654 | 433 |
| Chi phí bán hàng & Lãi/ (lỗ) từ liên doanh | -64 | -170 | -100 | -96 | -75 |
| Lãi/ (lỗ) khác | 77 | 97 | 43 | 153 | 62 |
| EBIT | 309 | 654 | 975 | 719 | 429 |
| Chi phí tài chính ròng | | 8 | 29 | | 33 |
| Thu nhập trước thuế | 351 | 662 | 1.003 | 753 | 462 |
| Thuế thu nhập | -84 | -158 | -177 | -148 | -116 |
| Lợi ích cổ đông thiểu | -0.2 | -0.9 | -4.0 | -3.7 | -3.7 |
| Lợi nhuận ròng | 267 | 502 | 823 | 602 | 343 |
| EPS | 3.455 | 6.607 | 11.319 | 8.449 | 4.789 |

Dòng tiền (tỷ đ)

| Năm tài khóa 31/12 | 2009 | 2010 | 2011 | 2012 | 2013F |
|-------------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| Dòng tiền hữ kinh | -86 | 404 | 369 | 201 | 336 |
| Lợi nhuận ròng | 267 | 502 | 823 | 602 | 343 |
| Khấu hao | -1 | 9 | 34 | 13 | 13 |
| Thay đổi vốn hoạt | -14 | 103 | -26 | -219 | 108 |
| Khác | -339 | -210 | -462 | -194 | -129 |
| Dòng tiền hữ đầu tư | 46 | 6 | 105 | -95 | -163 |
| Đầu tư TSCĐ ròng | 36 | -33 | 32 | -163 | -214 |
| Thay đổi trong đầu tư | -13 | 5 | -8 | 24 | 7 |
| Khác | 24 | 34 | 80 | 44 | 44 |
| | -41 | 410 | 473 | 106 | 172 |
| Dòng tiền hữ tài chính | -64 | -217 | -263 | -202 | -267 |
| Thay đổi vốn góp cổ | -21 | -13 | -31 | -14 | 0 |
| Thay đổi khoản nợ vay | 76 | 75 | 100 | -32 | -53 |
| Khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cổ tức | -119 | -279 | -332 | -156 | -215 |
| Dòng tiền ròng | -104 | 193 | 210 | -96 | -95 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ đ)

| Năm tài khóa 31/12 | 2009 | 2010 | 2011 | 2012 | 2013F |
|-------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| Tổng tài sản | 1.869 | 2.305 | 3.088 | 3.099 | 3.094 |
| Tài sản ngắn hạn | 702 | 888 | 1.444 | 1.234 | 1.161 |
| Tiền và tương đương | 228 | 424 | 637 | 446 | 446 |
| Đầu tư ngắn hạn | 104 | 43 | 147 | 119 | 119 |
| Hàng tồn kho | 124 | 189 | 346 | 317 | 252 |
| Phải thu khách hàng | 243 | 230 | 297 | 330 | 279 |
| Khác | 3 | 3 | 16 | 22 | 65 |
| Tài sản dài hạn | 1.167 | 1.418 | 1.644 | 1.865 | 1.933 |
| Đầu tư dài hạn | 400 | 506 | 442 | 451 | 451 |
| Tài sản cố định ròng | 676 | 842 | 1.147 | 1.400 | 1.468 |
| Khác | 91 | 70 | 55 | 14 | 14 |
| Nợ phải trả | 706 | 1.005 | 1.307 | 1.053 | 951 |
| Nợ ngắn hạn | 699 | 954 | 1.256 | 971 | 919 |
| Phải trả ngắn hạn | 7 | 7 | 13 | 11 | 3 |
| Vay ngắn hạn | 69 | 171 | 272 | 204 | 159 |
| Khác | 623 | 777 | 971 | 756 | 756 |
| Nợ dài hạn | 7 | 51 | 51 | 82 | 32 |
| Nợ dài hạn phải trả | 7 | 5 | 3 | 40 | 32 |
| Khác | 0 | 46 | 47 | 42 | 0 |
| Nguồn vốn | 1.159 | 1.284 | 1.762 | 2.024 | 2.118 |
| Vốn góp cổ đông | 774 | 761 | 730 | 716 | 716 |
| Các quỹ | 243 | 523 | 1.031 | 1.308 | 1.402 |
| Cổ đông thiểu số | 4 | 16 | 20 | 24 | 24 |

CÁC CHỈ SỐ

| Năm tài khóa 31/12 | 2009 | 2010 | 2011 | 2012 | 2013F |
|------------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Tỷ lệ tăng trưởng (%) | | | | | |
| Doanh thu | -2,2 | 90,1 | 27,2 | -14,3 | -25,1 |
| EBIT | -6,6 | 111,6 | 49,0 | -26,2 | -40,3 |
| Lợi nhuận ròng | -5,7 | 87,9 | 63,8 | -26,9 | -43,0 |
| EPS | -3,1 | 91,3 | 71,3 | -25,4 | -43,3 |
| Khả năng sinh lợi (%) | | | | | |
| Tỷ suất lợi nhuận gộp | 26,5 | 34,9 | 39,6 | 29,5 | 26,1 |
| Tỷ suất EBIT | 28,9 | 32,2 | 37,7 | 32,5 | 25,9 |
| Tỷ suất lợi nhuận | 25,0 | 24,8 | 32,0 | 27,3 | 20,9 |
| ROA | 14,3 | 21,8 | 26,6 | 19,4 | 11,1 |
| ROE | 23,1 | 39,1 | 46,7 | 29,7 | 16,2 |
| Tình hình tài chính | | | | | |
| Nợ vay/VCSH (%) | 6,6 | 13,7 | 15,7 | 12,0 | 9,0 |
| Nợ vay ròng/VCSH | -13,1 | -19,3 | -20,5 | -10,0 | -12,0 |
| Khả năng trả lãi vay | -326,2 | 25,2 | 42,0 | 67,0 | 288,5 |
| K.năng trả lãi&vay NH | 4,6 | 3,3 | 3,3 | 3,4 | 2,7 |
| Dòng tiền/lãi vay (X) | 357,5 | -8,1 | -19,9 | -18,1 | -86,4 |
| Dtiền/lãi&nợ vay NH | -5,0 | -1,1 | -1,6 | -0,9 | -0,8 |
| Khả năng TT hiện | 1,0 | 0,9 | 1,1 | 1,3 | 1,3 |
| Khả năng TT nhanh | 0,8 | 0,7 | 0,9 | 0,9 | 1,0 |
| Tiền/(nợ) ròng (tỷ) | 151,4 | 248,3 | 360,8 | 202,6 | 254,5 |
| Trên mỗi cổ phiếu | | | | | |
| EPS | 3.455 | 6.607 | 11.319 | 8.449 | 4.789 |
| CFPS | -4.167 | -2.586 | -5.687 | -2.391 | -1.581 |
| BVPS | 14.194 | 17.930 | 24.590 | 28.257 | 29.567 |
| SPS | 13.135 | 24.970 | 31.774 | 27.229 | 20.394 |
| Cổ tức tiền mặt | 1.539 | 3.663 | 4.552 | 2.179 | 3.000 |

Nguồn: Công ty, MKE Ước tính

BỘ PHẬN NGHIÊN CỨU PHÂN TÍCH – KHỐI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Nguyễn Thị Ngân Tuyền

Giám đốc

(84) 8 44 555 888 x 8081

tuyen.nguyen@maybank-kimeng.com.vn

- Thực phẩm và đồ uống
- Dầu khí

Nguyễn Trung Hòa

Phó Giám đốc

(84) 8 44 555 888 x 8088

hoa.nguyen@maybank-kimeng.com.vn

- Vĩ mô
- Thép
- Đường
- Cao su
- Săm lốp

Trịnh Thị Ngọc Diệp

(84) 4 44 555 888 x 8208

diiep.trinh@maybank-kimeng.com.vn

- Công nghệ
- Năng lượng
- Xây dựng

Đặng Thị Kim Thoa

(84) 8 44 555 888 x 8083

thoa.dang@maybank-kimeng.com.vn

- Tiêu dùng
- Công nghiệp
- Thủy sản

Vũ Thị Thúy Hằng

(84) 8 44 555 888 x 8087

hang.vu@maybank-kimeng.com.vn

- Ngân hàng
- Bảo hiểm

Nguyễn Thị Sony Trà Mi

(84) 8 44 555 888 x 8084

mi.nguyen@maybank-kimeng.com.vn

- Cảng biển
- Dược

Nguyễn Quang Duy

(84) 8 44 555 888 x 8082

duy.nguyenquang@maybank-kimeng.com.vn

- Bất động sản

Nguyễn Hoài Nam

(84) 4 44 555 888 x 8029

nam.nguyen@maybank-kimeng.com.vn

- Phân tích kỹ thuật

Nguyễn Thanh Lâm

(84) 8 44 555 888 x 8086

thanhlam.nguyen@maybank-kimeng.com.vn

- Phân tích kỹ thuật

Phục lục 1: Điều khoản cho việc cung cấp báo cáo và những khuyến cáo

Khuyến nghị

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích lưu hành chung và cung cấp thông tin và báo cáo này không có ý định hoặc được xem là những đề nghị mua hoặc bán cổ phiếu được đề cập ở đây trong bất kỳ trường hợp nào. Nhà đầu tư nên lưu ý rằng giá trị của những cổ phiếu này có thể dao động và giá trị hoặc giá của mỗi cổ phiếu có thể tăng hoặc giảm. Những quan điểm và khuyến nghị bao gồm ở đây đều dựa vào hệ thống đánh giá kỹ thuật và cơ bản. Hệ thống đánh giá kỹ thuật có thể khác hệ thống đánh giá cơ bản bởi vì việc định giá kỹ thuật sử dụng nhiều phương pháp khác nhau và chỉ dựa vào các thông tin về giá và khối lượng giao dịch được trích từ thị trường chứng khoán vào việc phân tích cổ phiếu. Do đó, lợi nhuận của nhà đầu tư có thể thấp hơn tổng số vốn đầu tư ban đầu. Các kết quả trong quá khứ không nhất thiết là những chỉ dẫn của các kết quả trong tương lai. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp những tư vấn đầu tư cá nhân và cũng không xem xét mục đích đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và yêu cầu đặc biệt của những người nhận và đọc báo cáo này. Vì vậy nhà đầu tư chỉ nên tìm kiếm những ý kiến về tài chính, luật pháp và những khuyến nghị khác liên quan đến sự phù hợp của việc đầu tư vào bất kỳ cổ phiếu nào hoặc những chiến lược đầu tư được thảo luận và khuyến nghị trong báo cáo này.

Những thông tin trong báo cáo này được trích từ những nguồn được tin là đáng tin cậy nhưng những nguồn này không được xác minh một cách độc lập bởi Maybank Investment Bank Berhad, các công ty con và công ty liên kết (có thể được gọi là "MKE") và vì vậy không đại diện cho tính xác thực và đồng bộ của báo cáo này bởi MKE và do đó không nên dựa vào những nguồn như vậy. Vì vậy, MKE và tất cả nhân viên, giám đốc, chuyên viên và các tổ chức và/hoặc nhân viên liên quan (có thể gọi là "Đại diện") sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ những tổn thất hoặc thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp mà có thể phát sinh từ việc sử dụng hoặc dựa vào báo cáo này. Bất kỳ những thông tin, quan điểm hoặc khuyến nghị nào bao gồm trong báo cáo này có thể thay đổi vào bất cứ lúc nào mà sẽ không được thông báo trước.

Báo cáo này có thể bao gồm những phát biểu dự báo mà thường hoặc không phải lúc nào cũng được nhận biết bằng cách sử dụng các từ ngữ như "đoán trước", "tin rằng", "ước tính", "dự tính", "kế hoạch", "kỳ vọng", "dự phóng" và "dự báo" và những phát biểu rằng một sự kiện hoặc kết quả như "có thể", "sẽ", "có thể", hoặc "nên" xảy ra hoặc đạt được và những phát biểu tương tự khác. Những phát biểu dự báo như vậy được dựa vào những giả định và thông tin được công bố cho chúng tôi và có thể chịu những rủi ro và không chắc chắn mà có thể làm cho kết quả thực tế khác nhiều so với những kết quả được đưa ra trong những phát biểu dự báo. Người đọc phải cẩn thận không được thay thế những thông tin liên quan trước đó vào những phát biểu dự báo này sau ngày phát hành hoặc phản ánh sự xảy ra của những sự kiện không được dự báo trước.

MKE và tất cả chuyên viên, giám đốc và nhân viên bao gồm những người liên quan đến việc chuẩn bị và phát hành báo cáo này có thể tham gia hoặc đầu tư vào những giao dịch tài chính với tổ chức phát hành cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này (trong một vài trường hợp có thể được luật cho phép), thực hiện những dịch vụ hoặc thu hút việc kinh doanh từ những tổ chức phát hành và/hoặc có một vị trí hoặc đang nắm giữ hoặc những lợi ích quan trọng khác hoặc những giao dịch khác đối với những cổ phiếu hoặc những quyền hoặc những quan hệ đầu tư khác. Hơn nữa, công ty có thể công bố trên thị trường những cổ phiếu được đề cập bằng những công cụ được trình bày trong báo cáo này. MKE có thể (theo luật định) hành động dựa vào hoặc sử dụng những thông tin được trình bày ở đây, hoặc dựa vào những nghiên cứu hoặc phân tích trước khi những tài liệu này được phát hành. Một hoặc nhiều hơn các giám đốc, chuyên viên và/hoặc nhân viên của MKE có thể là giám đốc của những tổ chức phát hành những cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này.

Báo cáo này được thực hiện cho khách hàng của MKE sử dụng và không được báo cáo lại, thay đổi bất kỳ hình thức nào, chuyển giao, sao chép hoặc phân phối tới bất kỳ tổ chức nào hoặc bất kỳ hình thức nào mà không có sự đồng ý bằng văn bản của MKE và MKE và những đại diện đồng ý không có trách nhiệm gì đối với những hành động của các bên thứ ba trên khía cạnh này.

Báo cáo này không được hướng dẫn hay nhằm mục đích phân phối hoặc sử dụng bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức là công dân hoặc cư trú tại những địa phương, tỉnh (tiểu bang), quốc gia nơi mà việc phân phối, phát hành, hoặc sử dụng có thể trái với luật hoặc quy định. Báo cáo này chỉ được phân phối trong những trường hợp được chấp thuận bởi pháp luật hiện hành. Các cổ phiếu được đưa ra ở đây có thể phù hợp cho mục đích bán trong tất cả các khu vực hoặc đối với những nhà đầu tư nhất định. Không có định kiến đối với những dự báo sau này, người đọc nên lưu ý rằng những tuyên bố trách nhiệm khác, cảnh báo hoặc những hạn chế có thể được áp dụng dựa vào vị trí địa lý của cá nhân hoặc tổ chức tiếp nhận báo cáo này.

Malaysia

Những quan điểm hoặc khuyến nghị bao gồm ở đây trong mọi hình thức phân tích kỹ thuật hoặc cơ bản. Phân tích kỹ thuật có thể khác với phân tích cơ bản vì việc định giá kỹ thuật áp dụng những phương pháp khác nhau và chỉ dựa vào những thông tin về giá và khối lượng giao dịch được trích từ Bursa Malaysia Securities Berhad trong phân tích chứng khoán.

Singapore

Báo cáo này được thực hiện vào ngày và những thông tin trong đây có thể chịu sự thay đổi. Maybank Kim Eng Research Pte Ltd. ("Maybank KERPL") ở Singapore không có trách nhiệm phải cập nhật những thông tin này cho người nhận. Đối với việc phân phối báo cáo này tại Singapore, người nhận báo cáo này phải liên hệ với Maybank KERPL ở Singapore về những vấn đề phát sinh từ hoặc liên hệ với báo cáo này. Nếu người nhận báo cáo này không phải là nhà đầu tư được cấp phép, những nhà đầu tư chuyên nghiệp hoặc những tổ chức (được quy định tại Điều 4A của Luật về cổ phiếu và giao dịch tương lai của Singapore), Maybank KERPL sẽ chịu trách nhiệm pháp lý đối với nội dung của báo cáo này với những trách nhiệm được giới hạn theo quy định của pháp luật.

Thái Lan (Thailand)

Việc công bố những kết quả điều tra của Học Viện Hiệp hội các Giám Đốc của Thái Lan (Thai Institute of Directors Association - IOD) về quản trị doanh nghiệp được thực hiện bởi những người tham gia hoạch định chính sách của Văn phòng Ủy Ban Thị trường chứng khoán. Các điều tra của IOD dựa vào thông tin của những công ty niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Thái Lan và Thị trường đầu tư tài sản thay thế được công bố rộng rãi và có thể được đánh giá bởi nhà đầu tư. Do đó, kết quả này là từ quan điểm của bên thứ ba. Nó không phải là việc đánh giá hoạt động và không dựa vào những thông tin nội bộ. Kết quả điều tra này sẽ được công bố trong báo cáo quản trị doanh nghiệp của các công ty niêm yết tại Thái Lan vào ngày phát hành. Vì vậy những điều tra này có thể bị thay đổi sau ngày phát hành. Maybank Kim Eng Securities (Thái Lan) Public Company Limited ("MBKET") không xác nhận hay chứng nhận về tính chính xác của những kết quả điều tra này.

Ngoại trừ khi được cho phép đặc biệt, không phần nào của báo cáo này có thể được viết lại hoặc phân phối lại dưới bất kỳ hình thức nào mà không có sự cho phép bằng văn bản trước của MBKET. MBKET sẽ không chịu trách nhiệm gì đối với mọi hành động của bên thứ ba về khía cạnh này.

Mỹ (US)

Báo cáo mà được thực hiện bởi MKE được phân phối tại Mỹ ("US") tới các nhà đầu tư tổ chức chủ yếu tại Mỹ (được quy định tại điều 15a-6 bởi Luật thị trường chứng khoán năm 1934 đã được sửa đổi) chỉ bởi Maybank Kim Eng Securities USA Inc ("Maybank KESUSA"), công ty môi giới đăng ký tại Mỹ (đăng ký tại Điều 15 của Luật thị trường chứng khoán sửa đổi năm 1934). Tất cả mọi trách nhiệm của việc phân phối báo cáo này của Maybank KESUSA tại Mỹ sẽ được thực hiện bởi Maybank KESUSA. Tất cả những kết quả giao dịch của các cá nhân và tổ chức tại Mỹ sẽ được thực hiện thông qua công ty môi giới đã đăng ký tại Mỹ. Báo cáo này sẽ không được hướng dẫn cho nhà đầu tư nếu MKE bị cấm hoặc bị giới hạn cung cấp cho nhà đầu tư bởi bất kỳ quy định hoặc điều luật nào tại các lãnh thổ. Nhà đầu tư nên chấp thuận trước khi đọc báo cáo mà Maybank KESUSA được phép cung cấp những công cụ nghiên cứu về đầu tư được quy định bởi những quy định và điều luật.

Anh (UK)

Báo cáo này được phân phối bởi Maybank Kim Eng Securities (London) Ltd ("Maybank KESL") được cấp phép và quy định bởi Cơ quan dịch vụ tài chính và chỉ cho mục đích cung cấp thông tin. Báo cáo này không nhằm mục đích phân phối tới những cá nhân nào được định nghĩa là khách hàng cá nhân được quy định tại Luật về thị trường và dịch vụ năm 2010 tại UK. Bất kỳ sự bao gồm nào của bên thứ ba nào đều chỉ cho sự thuận tiện của người nhận và công ty không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với những bình luận hay tính chính xác, và việc tiếp cận những mối liên hệ như thể là rủi ro riêng của những cá nhân. Không điều nào trong báo cáo này được xem như những tư vấn về thuế, kế toán hoặc luật pháp và những người nhận phù hợp nên tham khảo với những cơ quan tư vấn thuế độc lập.

Công bố thông tin

Công bố tổ chức hợp pháp

Malaysia: Báo cáo này được phát hành và phân phối tại Malaysia bởi Maybank Investment Bank Berhad (15938-H), là một tổ chức tham gia vào Bursa Malaysia Berhad và một tổ chức được cấp phép dịch vụ và thị trường tài chính được ban hành bởi Ủy ban Chứng khoán Malaysia. **Singapore:** Báo cáo này được phát hành và phân phối tại Singapore bởi Maybank KERPL (Co. Reg No 197201256N) được quy định bởi Cơ quan Tiền tệ Singapore. **Indonesia:** PT Kim Eng Securities ("PTKES") (Reg. No. KEP-251/PM/1992) là một tổ chức của Thị trường chứng khoán Indonesia và được quy định bởi BAPEPAM LK. **Thailand:** MBKET (Reg. No.0107545000314) là một thành viên của Thị trường chứng khoán Thái Lan và được quy định bởi Bộ tài chính và Ủy ban chứng khoán. **Philippines:** MATRKES (Reg. No.01-2004-00019) là một thành viên của Thị trường chứng khoán Philippines và được quy định bởi Ủy ban chứng khoán. **Việt Nam:** Công ty chứng khoán Maybank Kim Eng Việt Nam (giấy phép số 71/UBCK-GP) được cấp phép bởi Ủy ban chứng khoán nhà nước Việt Nam. **Hong Kong:** KESHK (Central Entity No AAD284) được quy định Ủy ban thị trường tương lai và chứng khoán. **Ấn Độ (India):** Công ty chứng khoán Kim Eng Ấn Độ ("KESI") là thành viên của Thị trường chứng khoán quốc gia Ấn Độ (Reg No: INF/INB 231452435) và thị trường chứng khoán Bombay (Reg. No. INF/INB011452431) và được quy định bởi Hội đồng thị trường chứng khoán Ấn Độ. KESI được đăng ký với SEBI tại Điều 1 Merchant Banker (Reg No 2377538) được cấp phép và quy định bởi Cơ quan dịch vụ tài chính.

Tuyên bố lợi ích

Malaysia: MKE và đại diện có thể giữ những vị trí hoặc có lợi ích quan trọng đối với những cổ phiếu được đề cập tại đây và có thể có những hoạt động khác như tạo lập thị trường hoặc có thể có những cam kết phát hành hoặc liên quan đến những cổ phiếu đó và cũng có thể thực hiện hoặc tìm kiếm những dịch vụ ngân hàng đầu tư, tư vấn và những dịch vụ khác hoặc có liên quan đến những công ty này.

Singapore: Vào ngày 20/8/2012, Maybank KERPL và chuyên viên phân tích phụ trách không có bất kỳ lợi ích nào trong những công ty được khuyến nghị trong báo cáo này.

Thailand: MBKET có thể có quan hệ kinh doanh với hoặc có thể là tổ chức phát hành quyền mua phái sinh trên những cổ phiếu hoặc công ty được đề cập trong báo cáo này. Do đó, nhà đầu tư nên tự có những đánh giá trước khi quyết định đầu tư. MBKET, chuyên viên và những giám đốc, những tổ chức liên quan và/hoặc nhân viên có thể có lợi ích và/hoặc những cam kết phát hành đối với những cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này.

Hong Kong: KESHK có thể có lợi ích tài chính liên quan đến tổ chức phát hành hoặc tổ chức niêm yết mới tiềm năng được định nghĩa bởi những quy định trong điều 16.5(a) của Quy định về Đạo đức nghề nghiệp cá nhân tại Hong Kong được cấp phép và đăng ký với Ủy ban thị trường cổ phiếu và tương lai.

Vào ngày 20/8/2012, KESHK và chuyên viên phân tích phụ trách không có bất kỳ lợi ích nào trong những công ty được khuyến nghị trong báo cáo này.

MKE có thể, trong ba năm qua, dịch vụ như là tổ chức phụ trách phát hành và đồng phụ trách phát hành cổ phiếu ra công chúng cho những tổ chức được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp hoặc đã cung cấp trong 12 tháng qua những tư vấn hoặc dịch vụ đầu tư liên hệ đến việc đầu tư và có thể nhận thù lao từ những dịch vụ cung cấp cho những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Những khuyến cáo khác

Xác nhận độc lập của chuyên viên phân tích

Những quan điểm được đề cập trong báo cáo này phản ánh chính xác những quan điểm cá nhân của chuyên viên phân tích về bất kỳ hoặc tất cả các cổ phiếu hoặc tổ chức phát hành; và chuyên viên phân tích đã, đang và sẽ không có bất kỳ sự bồi thường nào trực tiếp và gián tiếp liên quan đến những khuyến nghị hoặc quan điểm được đưa ra trong báo cáo này.

Lưu ý (Reminder)

Các chứng khoán cấu trúc là những công cụ phức tạp, tiêu biểu như bao gồm mức độ rủi ro cao và nhằm mục đích bán cho những nhà đầu tư cao cấp, những người có thể hiểu và chấp nhận những rủi ro liên quan. Giá trị thị trường của những chứng khoán cấu trúc (structured securities) có thể bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về yếu tố kinh tế, tài chính và chính trị (bao gồm nhưng không giới hạn lãi suất hiện tại và tương lai), thời gian đáo hạn (time to maturity), điều kiện thị trường và những biến động và chất lượng tín dụng của tổ chức phát hành hoặc bảo lãnh phát hành. Những nhà đầu tư quan tâm đến việc mua những sản phẩm cấu trúc nên có những phân tích riêng về sản phẩm này và tham khảo với các tổ chức tư vấn chuyên nghiệp về những rủi ro liên quan đến giao dịch mua.

Không phần nào của báo cáo này có thể được sao chép, sao in hoặc lập lại trong bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại mà không có sự đồng ý của MKE.

Hệ thống khuyến nghị đầu tư

Maybank Kim Eng Research sử dụng hệ thống đánh giá như sau

| | |
|------------|---|
| MUA | Tổng lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng hơn 10% |
| GIỮ | Tổng lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng giữa -10% tới 10% |
| BÁN | Tổng lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng dưới -10% |

Áp dụng khuyến nghị đầu tư

Chuyên viên phân tích duy trì việc phân tích các cổ phiếu và danh sách cổ phiếu có thể được điều chỉnh tùy theo yêu cầu từng thời điểm. Khuyến nghị đầu tư chỉ áp dụng cho các cổ phiếu trong danh sách. Báo cáo về các công ty không nằm trong danh sách sẽ không thực hiện định giá và khuyến nghị.

Một số từ viết tắt sử dụng trong báo cáo

| | | |
|---|---|---|
| Adex = Advertising Expenditure (chi phí quảng cáo) | FCF = Free Cashflow (dòng tiền tự do) | PE = Price Earnings (Giá / lợi nhuận trên mỗi cổ phần) |
| BV = Book Value (giá trị sổ sách) | FV = Fair Value (Giá trị thị trường) | PEG = PE Ratio To Growth (hệ số PE tăng trưởng) |
| CAGR = Compounded Annual Growth Rate (tăng trưởng kép) | FY = Financial Year (Năm tài khóa) | PER = PE Ratio Hệ số P/E |
| Capex = Capital Expenditure (đầu tư TSCĐ) | FYE = Financial Year End (kết thúc năm tài khóa) | QoQ = Quarter-On-Quarter (so với quý trước) |
| CY = Calendar Year (Năm theo dương lịch) | MoM = Month-On-Month (so với tháng trước) | ROA = Return On Asset (tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản) |
| DCF = Discounted Cashflow (chiết khấu dòng tiền) | NAV = Net Asset Value (giá trị tài sản ròng) | ROE = Return On Equity (tỷ suất lợi nhuận trên tổng vốn) |
| DPS = Dividend Per Share (cổ tức 1 cổ phần) | NTA = Net Tangible Asset (giá trị tài sản hữu hình ròng) | ROSF = Return On Shareholders' Funds (tỷ suất lợi nhuận trên VCSH) |
| EBIT = Earnings Before Interest And Tax (Lợi nhuận trước thuế và lãi vay) | P = Price (giá) | WACC = Weighted Average Cost Of Capital (Chi phí vốn bình quân) |
| EBITDA = EBIT, Depreciation And Amortisation (Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao) | P.A. = Per Annum (hàng năm) | YoY = Year-On-Year (so với cùng kỳ năm trước) |
| EPS = Earnings Per Share (Lợi nhuận 1 cổ phần) | PAT = Profit After Tax (Lợi nhuận sau thuế) | YTD = Year-To-Date (lưu kể từ đầu năm đến ngày hiện tại) |
| EV = Enterprise Value (giá trị doanh nghiệp) | PBT = Profit Before Tax (Lợi nhuận trước thuế) | |

 **Malaysia**

Maybank Investment Bank Berhad
(A Participating Organisation of
Bursa Malaysia Securities Berhad)
33rd Floor, Menara Maybank,
100 Jalan Tun Perak,
50050 Kuala Lumpur
Tel: (603) 2059 1888;
Fax: (603) 2078 4194

Stockbroking Business:
Level 8, Tower C, Dataran Maybank,
No.1, Jalan Maarof
59000 Kuala Lumpur
Tel: (603) 2297 8888
Fax: (603) 2282 5136

 **Philippines**

**Maybank ATR Kim Eng Securities
Inc.**

17/F, Tower One & Exchange Plaza
Ayala Triangle, Ayala Avenue
Makati City, Philippines 1200

Tel: (63) 2 849 8888
Fax: (63) 2 848 5738

 **South Asia Sales Trading**

Connie TAN
connie@maybank-ke.com.sg
Tel: (65) 6333 5775
US Toll Free: 1 866 406 7447

 **Singapore**

**Maybank Kim Eng Securities Pte Ltd
Maybank Kim Eng Research Pte Ltd**
9 Temasek Boulevard
#39-00 Suntec Tower 2
Singapore 038989

Tel: (65) 6336 9090
Fax: (65) 6339 6003

 **Hong Kong**

Kim Eng Securities (HK) Ltd
Level 30,
Three Pacific Place,
1 Queen's Road East,
Hong Kong

Tel: (852) 2268 0800
Fax: (852) 2877 0104

 **Thailand**

**Maybank Kim Eng Securities
(Thailand) Public Company
Limited**

999/9 The Offices at Central World,
20th - 21st Floor,
Rama 1 Road Pathumwan,
Bangkok 10330, Thailand

Tel: (66) 2 658 6817 (sales)
Tel: (66) 2 658 6801 (research)

 **North Asia Sales Trading**

Eddie LAU
eddielau@kimeng.com.hk
Tel: (852) 2268 0800
US Toll Free: 1 866 598 2267

 **London**

**Maybank Kim Eng Securities
(London) Ltd**
6/F, 20 St. Dunstan's Hill
London EC3R 8HY, UK

Tel: (44) 20 7621 9298
Dealers' Tel: (44) 20 7626 2828
Fax: (44) 20 7283 6674

 **Indonesia**

PT Kim Eng Securities
Plaza Bapindo
Citibank Tower 17th Floor
JI Jend. Sudirman Kav. 54-55
Jakarta 12190, Indonesia

Tel: (62) 21 2557 1188
Fax: (62) 21 2557 1189

 **Vietnam**

In association with
Maybank Kim Eng Securities JSC
1st Floor, 255 Tran Hung Dao St.
District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel : (84) 844 555 888
Fax : (84) 838 38 66 39

 **New York**

**Maybank Kim Eng Securities
USA Inc**
777 Third Avenue, 21st Floor
New York, NY 10017, U.S.A.

Tel: (212) 688 8886
Fax: (212) 688 3500

 **India**

Kim Eng Securities India Pvt Ltd
2nd Floor, The International 16,
Maharishi Karve Road,
Churchgate Station,
Mumbai City - 400 020, India

Tel: (91).22.6623.2600
Fax: (91).22.6623.2604

 **Saudi Arabia**

In association with
Anfaal Capital
Villa 47, Tujjar Jeddah
Prince Mohammed bin Abdulaziz
Street P.O. Box 126575
Jeddah 21352

Tel: (966) 2 6068686
Fax: (966) 26068787

www.maybank-ke.com | www.kimengresearch.com.sg